

Phụ lục 1

BỘ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 723 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
1	2	3	4	5	6
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	16	0	0	Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
1.1	Thực hiện kế hoạch cải cách hành chính	1.5	0	0	
1.1.1	Việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm	0.5			
	<i>Ban hành kịp thời (trước ngày 31/12 năm trước liền kề): 0.5</i>				
	<i>Ban hành không kịp thời: 0</i>				
1.1.2	Nội dung Kế hoạch cải cách hành chính phải bảo đảm toàn diện trên tất cả 06 lĩnh vực cải cách, bao gồm: (1) Cải cách thể chế; (2) Cải cách thủ tục hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách tài chính công; (6) Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.	0.5			
	<i>Xác định đầy đủ: 0.5</i>				
	<i>Không xác định đầy đủ: 0</i>				
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch cải cách hành chính năm	0.5			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa</i>				
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i>				
	<i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>				
	<i>Nếu tỷ lệ b/a < 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>				
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	1	0	0	
1.2.1	Báo cáo cải cách hành chính, báo cáo chuyên đề cải cách hành chính (thực hiện theo Hướng dẫn của Sở Nội vụ)	0.5			
	<i>- Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 0.5</i>				
	<i>- Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>				
1.2.2	Báo cáo TỰ ĐÁNH GIÁ, chấm điểm cải cách hành chính	0.5			
	<i>- Đáp ứng đầy đủ về nội dung, thời gian theo hướng dẫn (báo cáo chính thức) gửi đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm: 0,5</i>				
	<i>- Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</i>				
1.3	Công tác kiểm tra cải cách hành chính	1.5	0	0	
1.3.1	Ban hành và thực hiện kế hoạch tự kiểm tra cải cách hành chính đối với các đơn vị thuộc, trực thuộc	0.5			
	<i>- Nếu có ban hành và thực hiện kiểm tra theo kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>- Nếu có ban hành kế hoạch kiểm tra nhưng chưa thực hiện: 0,25</i>				
	<i>- Nếu chưa ban hành Kế hoạch: 0</i>				
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra, tự kiểm tra	1			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa</i>				
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số vấn đề phát hiện cần xử lý</i>				
	<i>b là số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý</i>				
	<i>Nếu tỷ lệ b/a < 0,7 thì điểm đánh giá là 0</i>				
1.4	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	2	0	0	
1.4.1	Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm	0.5			
	<i>Có xây dựng kế hoạch hoặc có lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC năm. Các nội dung tuyên truyền được xây dựng có xác định rõ thời gian thực hiện và có sản phẩm hoàn thành cụ thể: 0,5</i>				
	<i>Có xây dựng kế hoạch tuyên truyền hoặc có lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC năm. Tuy nhiên nội dung chung chung không có hoạt động cụ thể: 0,25</i>				
	<i>Không xây dựng kế hoạch đồng thời không lồng ghép nội dung tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC năm: 0</i>				
1.4.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính (hoặc nhiệm vụ tuyên truyền cải cách hành chính trong Kế hoạch cải cách hành chính)	0.5			
	<i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó:</i>				
	<i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i>				
	<i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành</i>				
	<i>Nếu tỷ lệ b/a < 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>				
1.4.3	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền cải cách hành chính: (1) Tổ chức hội nghị/hội thảo/tập huấn về cải cách hành chính; (2) Đăng tải thông tin cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của đơn vị; (3) Tuyên truyền cải cách hành chính trên báo chí/Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; (4) Tổ chức thi/toạ đàm/sân khấu hóa hoặc các hình thức khác	1			
	<i>Tuyên truyền thông qua 04 hình thức trở lên: 1</i>				
	<i>Tuyên truyền thông qua 03 hình thức: 0,5</i>				
	<i>Tuyên truyền thông qua 02 hình thức: 0,25</i>				
	<i>Tuyên truyền thông qua dưới 02 hình thức: 0</i>				
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	3			
	<i>Có từ 1 sáng kiến/giải pháp mới trở lên: 3</i>				
	<i>Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0</i>				

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
1.6	<i>Việc thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao (Trường hợp cơ quan không được giao nhiệm vụ thì không đánh giá)</i>	7	0	0	
1.6.1	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao (<i>không tính các nhiệm vụ đã giao trong chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh</i>)	4			

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(b/a)*điểm tối đa + (c/a)/2*điểm tối đa]. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ; c là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ.				
1.6.2	Thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Điểm đánh giá được tính theo công thức: [(b/a)*điểm tối đa + (c/a)/2*điểm tối đa]. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ được giao; b là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ; c là tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng chậm tiến độ.	3			
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	10	0	0	Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật	2.5	0	0	
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1			
	Thu thập thông tin về tình hình theo dõi thi hành pháp luật: 0,25				
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0,5				
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0,25				
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1			
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 1				
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0				
2.1.3	Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0.5			
	Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 0,5				
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0				
2.2	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật	3	0	0	
2.2.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0.5			
	Có ban hành: 0,5				
	Không ban hành: 0				
2.2.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	1			
	Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ b/a < 0,8 thì điểm đánh giá là 0				
2.2.3	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát	1			
	Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý b số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý Trường hợp a=0 thì đạt điểm tối đa				
2.2.4	Thực hiện chế độ báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	0.5			
	Báo cáo đúng hạn và đầy đủ, chính xác số liệu về số văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát, số văn bản quy phạm pháp luật đã kiến nghị xử lý, số đã kiến nghị và đã được xử lý: 0,5				
	Báo cáo không đầy đủ nội dung, số liệu theo yêu cầu hoặc báo cáo trễ hạn: 0				
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	2.5	0	0	
2.3.1	Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	0.5			
	Thực hiện tốt công tác phối hợp: 0.5				
	Chưa thực hiện tốt công tác phối hợp: 0				
2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	2			
	Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý b số văn bản đã hoàn thành việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý Trường hợp a=0 thì đạt điểm tối đa				
2.4	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật	1			
	100% văn bản quy phạm pháp luật tham mưu ban hành đúng thời gian: 1				
	Dưới 100% văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng thời gian: 0				
2.5	Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý	1			
	Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu tỷ lệ b/a < 0,8 thì điểm đánh giá là 0				
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	18	0	0	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính	3	0	0	Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
3.1.1	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát thủ tục hành chính	1			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1				
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
	Nếu đơn vị không có báo cáo kết quả rà soát TTHC hoặc báo cáo trễ hạn thì nội dung này 0 điểm				
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính	1			

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>$a$ là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</p> <p>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ</p> <p>Nếu tỷ lệ $b/a < 0,8$ thì điểm đánh giá là 0</p>				
3.1.3	<p>Báo cáo tình hình, kết quả kiểm soát thủ tục hành chính (báo cáo quý I, báo cáo quý II, báo cáo quý III, báo cáo năm)</p> <p>Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1</p> <p>Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0</p>	1			

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính và kết quả giải quyết hồ sơ (Trong năm không phát sinh nhiệm vụ thì được giám trừ tiêu chí này)	3.5	0	0	
3.2.1	Cập nhật, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính/danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	Cập nhật, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý (chậm nhất trước 08 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành) hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, đúng quy định (chậm nhất 10 ngày kể từ ngày bộ, cơ quan ngang bộ ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính) : 1 Tham mưu công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời, không đúng quy định các thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực đơn vị quản lý: 0.25. (trường hợp công bố chậm do bộ, ngành Trung ương, đề nghị có giải trình cụ thể)				
3.2.2	Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính (Trong năm không phát sinh nhiệm vụ thì được giám trừ tiêu chí này)	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	100% quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực quản lý được trình đúng thời gian quy định (chậm nhất 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính): 1 Không đảm bảo 100% quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực đơn vị quản lý được trình phê duyệt hoặc trình không kịp thời: 0				
3.2.3	Công khai thủ tục hành chính đầy đủ và đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu (1) Bảng niêm yết công khai thủ tục hành chính; (2) Danh mục thủ tục hành chính theo từng lĩnh vực; (3) Công khai đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (4) Không công khai các thủ tục hành chính đã hết hiệu lực thi hành; (5) Công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành): 0.5 Không đáp ứng đủ các yêu cầu trên: 0				
3.2.4	Công khai thủ tục hành chính trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Đúng quy định: 0.5 Không đúng quy định: 0				
3.2.5	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Cổng/Trang thông tin điện tử và Công dịch vụ công của tỉnh (lưu ý, công khai kết quả giải quyết trên Cổng thông tin điện tử và Công dịch vụ công thuộc trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh).	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% hồ sơ thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, thường xuyên, liên tục: 0.5 Dưới 100% hồ sơ thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, thường xuyên, liên tục: 0				
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	6	0	0	
3.3.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận một cửa	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 1 (Trừ những thủ tục hành chính theo điểm a, điểm b, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ) Dưới 100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 0				
3.3.2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp và liên thông giữa các cấp chính quyền (nếu đơn vị không có thủ tục hành chính được quy định giải quyết thông qua cơ chế một cửa liên thông thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 0,5 Dưới 100% thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định: 0				
3.3.3	Tiếp nhận hồ sơ có sử dụng các biểu mẫu trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% hồ sơ được thực hiện đầy đủ và đảm bảo theo quy định: 1 Dưới 100% hồ sơ được thực hiện đầy đủ, đảm bảo theo quy định: 0				
3.3.4	Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	2			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận thông qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh : +1 điểm (dưới 100%: 0). 100% hồ sơ TTHC được cập nhật quá trình giải quyết hồ sơ lên phần mềm Một cửa điện tử đồng bộ với quá trình giải quyết hồ sơ thực tế: +1 điểm (dưới 100%:0)				
3.3.5	Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm	1.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% hồ sơ được số hóa, cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử tại bước tiếp nhận: 0,5 100% hồ sơ được số hóa, cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử tại bước xử lý hồ sơ: 0,5 100% hồ sơ được số hóa, cập nhật lên phần mềm Một cửa điện tử tại bước trả kết quả: 0,5				
3.4	Kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (Nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì được giám trừ, không đánh giá tiêu chí này)	4	0	0	
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	2			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ TTHC được giải quyết trong năm b là số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn Nếu tỷ lệ $b/a < 0,95$ thì điểm đánh giá là 0				
3.4.3	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản khi đề xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Đã thực hiện xin lỗi đầy đủ theo quy định: 1 Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0				
3.4.4	Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của đơn vị, địa phương (Nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì được giảm trừ, không đánh giá tiêu chí này)	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Từ 80% -100% đơn vị đạt điểm đánh giá từ tối trở lên: 0,5 Dưới 80% đơn vị đạt điểm đánh giá từ tối trở lên: 0				
3.4.5	Tổ chức thu thập ý kiến đánh giá (Nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì được giảm trừ, không đánh giá tiêu chí này)	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Phiếu đánh giá dành cho tổ chức, cá nhân được đặt tại bàn viết hồ sơ dành cho tổ chức, cá nhân, trên bàn làm việc của công chức, bàn tiếp đón và bàn trả kết quả: 0,25 Phiếu đánh giá được phát cho tổ chức, cá nhân kèm theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: 0,25				
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	1.5	0	0	
3.5.1	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các quy định hành chính, thủ tục hành chính	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	100% số phản ánh kiến nghị được xử lý theo quy định: 1 Dưới 100% số phản ánh kiến nghị được xử lý theo quy định: 0				
3.5.2	Công khai nội dung hướng dẫn và đường link thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	0.25			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Thực hiện đúng quy định: 0,25 Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0				
3.5.3	Công khai kết quả trả lời phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết	0.25			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% số phản ánh kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0,25 Dưới 100% số phản ánh kiến nghị đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0				
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	10	0	0	Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	4	0	0	
4.1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của CQCM cấp tỉnh và hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp huyện (Nếu trong năm không có quy định mới thì không đánh giá tiêu chí này)	2			
	- Đã hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của CQCM cấp tỉnh: +1 - Đã hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng, ban trực thuộc: +0.5 - Đã tham mưu UBND tỉnh Hướng dẫn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng chuyên môn thuộc cấp huyện: +0.5				
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc, trực thuộc	2			
	Thực hiện đảm bảo theo quy định: 2 Chưa đảm bảo theo quy định: 0				
4.2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc	3	0	0	
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập	1			
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao: 1 Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính, số lượng người làm việc được giao: 0				
4.2.2	Xây dựng Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc hàng năm	2			
	Xây dựng đầy đủ và gửi đúng thời gian theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 2 Xây dựng không đầy đủ hoặc gửi chậm thời gian theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0				
4.3	Thực hiện các quy định về phân cấp (các lĩnh vực không được giao nhiệm vụ phân cấp theo Nghị Quyết 99/NQ-CP của Chính phủ thì không đánh giá tiêu chí này)	3	0	0	
4.3.1	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	1			
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1 Không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện không đúng quy định: 0				
4.3.2	Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động, việc thực hiện các nhiệm vụ phân cấp cho các cơ quan cấp huyện, cấp xã	1			
	Có thực hiện: 1 Không thực hiện: 0				
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1			
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 Dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	13	0	0	Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	4	0	0	

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý. <i>Đầy đủ, kịp thời: 2</i> <i>Chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0</i>	2			
5.1.2	Bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt <i>Bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 2</i> <i>Không bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 0</i>	2			
5.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức đúng quy định <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1			
5.3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc <i>100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i> <i>Dưới 100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>	1			
5.4	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định <i>Đúng quy định: 1</i> <i>Không đúng quy định: 0</i>	1			

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
5.5	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm	2			
	Điểm đánh giá theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó a là tổng số chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra theo kế hoạch b là số chỉ tiêu, nhiệm vụ đã hoàn thành Nếu $b/a < 0,8$ thì điểm đánh giá: 0				
5.6	Tình hình cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật	3			
	Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp sở, ngành, huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: +1 Trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: +1 Trong năm KHÔNG CÓ cán bộ, công chức, viên chức (không giữ chức vụ) thuộc phạm vi quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: +1				
5.7	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1			
	Đáp ứng đầy đủ về số lượng, nội dung, thời gian theo hướng dẫn: 1 Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên: 0				
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	13	0	0	Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	5	0	0	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước hàng năm (Đơn vị không được giao chủ đầu tư thì được giảm trừ tiêu chí này) Điểm đánh giá được tính theo công thức: [Tỷ lệ % giải ngân Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước * điểm tối đa / 100%]	2			
6.1.2	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước	1			
	Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 1 Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0				
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2			
	Tỷ lệ thực hiện các kiến nghị đạt 100% hoặc không có kiến nghị phải thực hiện: 2 Tỷ lệ thực hiện các kiến nghị đạt từ 80 - dưới 100% kiến nghị: 1 Tỷ lệ thực hiện các kiến nghị đạt dưới 80% kiến nghị: 0				
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	0	0	
6.2.1	Báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công hàng năm	1			
	Báo cáo đúng thời hạn: 1 Báo cáo không đúng thời hạn: 0				
6.2.2	Thực hiện công khai tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, và các đơn vị trực thuộc theo phân cấp quản lý	1			
	Có thực hiện công khai: 1 Không thực hiện công khai: 0				
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.	2			
	Tổng kinh phí tiết kiệm năm đánh giá tăng hơn năm trước liền kề: 2 Tổng kinh phí tiết kiệm năm đánh giá không tăng so với năm trước liền kề: 0				
6.4	Thực hiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, ban hành đơn giá sản phẩm, giá dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	2	0	0	
6.4.1	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đang được ngân sách nhà nước phân bổ, cấp kinh phí thực hiện.	1			
	Điểm được đánh giá theo công thức: $[(b/a) \times \text{điểm tối đa}]$. Trong đó: a: Là tổng số danh mục cần phải ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thuộc lĩnh vực của ngành, đơn vị. b: Số danh mục đã hoàn thành công tác ban hành định mức kinh tế kỹ thuật.				
6.4.2	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đơn giá sản phẩm, giá dịch vụ sự nghiệp công thuộc ngành, lĩnh vực quản lý	1			
	Điểm đánh giá theo công thức: $[(b/a) \times \text{điểm tối đa}]$. Trong đó: a: Là tổng số đơn giá sản phẩm, hoặc giá dịch vụ sự nghiệp công cần phải ban hành thuộc lĩnh vực của ngành, đơn vị. b: Số đã hoàn thành công tác ban hành đơn giá sản phẩm, hoặc giá dịch vụ sự nghiệp công.				
6.5	Báo cáo công tác tài chính, ngân sách	2	0	0	
6.5.1	Thực hiện công khai dự toán NSNN năm đánh giá	0.5			
	Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 0,5 Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0				
6.5.2	Báo cáo thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.	0.5			
	Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 0,5 Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0				
6.5.3	Báo cáo xây dựng dự toán NSNN hằng năm	0.5			
	Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 0,5 Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0				
6.5.4	Báo cáo quyết toán và báo cáo tài chính năm trước liền kề	0.5			
	Báo cáo đầy đủ nội dung, biểu mẫu và đúng thời hạn quy định: 0,5 Thực hiện không đầy đủ các yêu cầu trên: 0				
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	14	0	0	
7.1	Ứng dụng Công nghệ thông tin	8.5	0	0	

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
7.1.1	Ban hành kế hoạch của cơ quan, đơn vị <i>Ban hành đầy đủ, đúng quy định: 1</i> <i>Không ban hành hoặc ban hành nhưng không đảm bảo quy định: 0</i>	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch <i>Tính điểm theo công thức: (b/a)* điểm tối đa. Trong đó:</i> <i>a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch</i> <i>b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ</i> <i>Nếu tỷ lệ b/a < 0,8 thì điểm đánh giá là 0</i>	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
7.1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật)	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số văn bản của cơ quan phát hành trong năm b là số văn bản được ban hành hoàn toàn dưới dạng điện tử Nếu tỷ lệ $b/a < 0,95$ thì điểm đánh giá là 0				
7.1.4	Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ trên môi trường mạng	2			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	+ Đã ban hành Quyết định danh mục hồ sơ lưu trữ của cơ quan: +0,5 + Đã tạo danh mục hồ sơ trên môi trường mạng theo Quyết định ban hành: +0,5 + Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp Sở được xử lý trên môi trường mạng đạt 100% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước): +1				
7.1.5	Thực hiện quy định về quản lý, cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử theo đúng quy định Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022: +0,5 Có quy chế quản lý và hoạt động Trang Thông tin điện tử: +0,5				
7.1.6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hành chính sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% cán bộ, công chức, viên chức : 0,5 Từ 90% - 100% cán bộ, công chức, viên chức: 0,25 Dưới 90% cán bộ, công chức, viên chức: 0				
7.1.7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ hỗ trợ trao đổi công việc	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Điểm đánh giá theo công thức: $a/b * \text{Điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ b là Tổng số cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị;				
7.1.8	Nhân lực Công nghệ thông tin	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin: 0.25 Tham gia đầy đủ lớp tập huấn về Chuyển đổi số, đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin: 0.25				
7.1.9	Thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các loại báo cáo theo quy định của tỉnh: 1 Thực hiện đầy đủ, tuy nhiên có báo cáo bị trễ hạn: 0.5 Không thực hiện đầy đủ theo quy định của tỉnh: 0				
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (các cơ quan theo quy định không phải thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 không đánh giá nội dung này)	4	0	0	
7.2.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình b là số DVCTT toàn trình Nếu tỷ lệ $(b/a) < 0,90$ thì điểm đánh giá là 0				
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	2			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số Hồ sơ TTHC được tiếp nhận trong năm (gồm cả toàn trình và một phần) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình Nếu tỷ lệ $(b/a) \geq 0,25$ thì điểm đánh giá là 2				
7.3	Thực hiện thanh toán trực tuyến đối với các TTHC đủ điều kiện	1.5	0	0	Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
7.3.1	Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến:	0.5			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính. b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến				
7.3.2	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	0.5			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến				
7.3.3	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	0.5			
	Tính điểm theo công thức: $(b/a) * \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến				
8	VIỆC CHẤP HÀNH QUY CHẾ VĂN HÓA CÔNG SỞ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	6	0	0	
8.1	Việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức	2			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	Có thực hiện việc tự kiểm tra giờ giấc làm việc tại các đơn vị thuộc, trực thuộc. Và trong năm không có trường hợp vi phạm : 2 Nếu đơn vị không thực hiện tự kiểm tra: 0 Hoặc nếu có trường hợp vi phạm phát hiện qua công tác kiểm tra đột xuất của Sở Nội vụ: 0				
8.2	Thực hiện quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 1				

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	Dưới 100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0				
8.3	Thực hiện quy định không uống rượu, bia và đồ uống có cồn khác trước, trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 1				
	Dưới 100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0				

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
8.4	Thực hiện quy định đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 1				
	Dưới 100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0				
8.5	Thực hiện quy định về bài trí công sở	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Thực hiện đúng quy định: 1				
	Không thực hiện đúng quy định: 0				
9	ĐIỂM TRỪ (Trừ tối đa 05 điểm)				
9.1	- Cung cấp tài liệu kiểm chứng không trung thực (trừ 0,5 điểm) - Không thực hiện đúng các hướng dẫn của Hội đồng về thuyết minh, giải trình chấm điểm, cung cấp tài liệu kiểm chứng phục vụ công tác đánh giá, chấm điểm (trừ 0,5 điểm)	-1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
9.2	Phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông không đảm bảo thời hạn quy định (trừ 1 điểm)	-1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
9.3	Có đơn thư hoặc thông tin phản ánh, kiến nghị, về kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính, thái độ, hành vi gây phiền hà, nhùng nhằng, chậm trễ giải quyết hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý và xác nhận là phản ánh đó đúng hoặc đúng một phần (trừ 02 điểm)	-1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
9.4	Không hoàn thành công việc, nhiệm vụ CCHC được giao tại Kế hoạch CCHC năm của tỉnh (Mỗi nhiệm vụ chưa hoàn thành trừ 0,5 điểm, tối đa trừ 1 điểm)	-1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
9.5	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC khác do UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh giao: 1 nhiệm vụ không thực hiện hoặc thực hiện chưa đảm bảo trừ 0,5 điểm (trừ tối đa 1 điểm).	-1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	Tổng cộng	100	0	0	
	Chỉ số cải cách hành chính				

Ghi chú:

- Chỉ số cải cách hành chính được tính theo công thức: Tổng điểm đạt được/Tổng điểm tối đa x 100%. Trong đó:

+ Tổng điểm tối đa là tổng điểm tối đa của các tiêu chí/tiêu chí thành phần được đánh giá (đối với một số đơn vị, tổng điểm tối đa có thể không đủ 100 điểm do không tính các tiêu chí/tiêu chí thành phần không được đánh giá).

+ Tổng điểm đạt được là tổng điểm đạt được của từng tiêu chí/tiêu chí thành phần sau khi được Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh thẩm định hoặc kiểm tra thực tế.

- Căn cứ kết quả chỉ số xếp loại 5 mức như sau:

1. Loại Xuất sắc: Chỉ số đạt từ 90 đến 100;
2. Loại Tốt: Chỉ số đạt từ 80 đến dưới 90;
3. Loại Khá: Chỉ số đạt từ 65 đến dưới 80;
4. Loại Trung bình: Chỉ số đạt từ 50 đến dưới 65;
5. Loại Yếu: Chỉ số đạt được dưới 50.